

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1496 /QĐ-ĐHNH ngày 13 / 05 /2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

- Tên chương trình (Tiếng Việt) : **Kinh tế quốc tế (tiếng Anh bán phần)**
- Tên chương trình (Tiếng Anh) : **International Economics**
- Trình độ đào tạo : **Đại học**
- Ngành đào tạo : **Kinh tế quốc tế**
- Mã ngành : **7310106**
- Hình thức đào tạo : **Chính quy tập trung**
- Chuẩn đầu vào: Thực hiện theo đề án tuyển sinh
- Thời gian đào tạo (theo thiết kế) : **04 năm (08 học kỳ)**
- Thời điểm cập nhật bản chương trình đào tạo: **tháng 05 năm 2026**

Kết cấu chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức	Số học phần			Số tín chỉ			Tỷ lệ (%)
		Bắt buộc	Tự chọn		Bắt buộc	Tự chọn		
			Bắt buộc	Tự do		Bắt buộc	Tự do	
1	Giáo dục đại cương	10	1		22	2		19.4
2	Giáo dục chuyên nghiệp	26	6		82	18		80.6
2.1	Cơ sở ngành	14	2		40	6		37.1
2.2	Ngành	6	0		18	0		14.5
2.3	Chuyên ngành	6	4		24	12		29.0
	Tổng	36	7		104	20		100

TT	Khối kiến thức giáo dục đại cương khác	Số tín chỉ
1	Giáo dục thể chất	5
2	Giáo dục Quốc phòng an ninh	8
	Tổng	13

TT	Tiếng anh tăng cường và các môn về kỹ năng mềm	Số tín chỉ
1	Tiếng anh tăng cường	36

TT	Tiếng anh tăng cường và các môn về kỹ năng mềm	Số tín chỉ
2	Kỹ năng mềm	8
	Tổng	13

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Học kỳ phân bổ	Mã học phần trước
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
Khối kiến thức giáo dục đại cương								
		Học phần bắt buộc						
1	MLM306	Triết học Mác-Lênin / Marxist-Leninist philosophy	3	3	0	0	1	
2	MLM307	Kinh tế chính trị Mác - Lênin/ <i>Political Economics of Marxism and Leninism</i>	2	2	0	0	1	MLM306
3	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ <i>Ideologies of Ho Chi Minh</i>	2	2	0	0	3	MLM306
4	MLM309	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/ <i>History of Vietnamese communist party</i>	2	2	0	0	2	MLM306
5	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ <i>Scientific socialism</i>	2	2	0	0	3	MLM306
6	MAE701	Toán kinh tế 1/ <i>Mathematic for Economics 1</i>	2	2	0	0	2	
7	MAE702	Toán kinh tế 2/ <i>Mathematic for Economics 2</i>	2	2	0	0	3	
8	AMA303	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ <i>Probability and Statistics</i>	3	3	0	0	2	
9	LAW798	Pháp luật và thể chế/ <i>Laws and Institution</i>	2	2	0	0	1	
10	FIN730	Phát triển bền vững và Tài chính xanh/ <i>Sustainable development and Green finance</i>	2	2	0	0	3	
		Học phần tự chọn (sinh viên chọn 1 trong 2 học phần)						
11a	SOC301	Cơ sở văn hóa Việt Nam/ <i>Fundamentals of Vietnamese Culture</i>	2	2	0	0	2	
11b	SOC303	Tâm lý học/ <i>Psychology</i>	2	2	0	0	2	
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp								
Khối kiến thức cơ sở ngành								
		Học phần bắt buộc						
12	MES302	Kinh tế học vi mô/ <i>Microeconomics</i>	3	3	0	0	1	
13	MES303	Kinh tế học vĩ mô/ <i>Macroeconomics</i>	3	3	0	0	2	
14	ITS723	Logic ứng dụng trong kinh doanh/ <i>Applied Logic in Business</i>	2	2	0	0	3	
15	ACC301	Nguyên lý kế toán / <i>Principles of Accounting</i>	3	3	0	0	1	
16	LAW304	Luật kinh doanh/ <i>Business Law</i>	3	3	0	0	5	LAW798
17	MAG322	Quản trị học/ <i>Fundamentals of Management</i>	3	3	0	0	2	
18	DIM706	Marketing số/ <i>Digital Marketing</i>	3	3	0	0	4	
19	ECE301	Kinh tế lượng/ <i>Econometrics</i>	3	3	0	0	4	AMA303

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Học kỳ phân bổ	Mã học phần trước
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
20	ITS772	Phát triển năng lực số/ <i>Digital Capabilities Development</i>	3	3	0	0	4	
21	BAF706	Tiền tệ, ngân hàng và công nghệ tài chính/ <i>Money, Banking and Fintech</i>	3	3	0	0	3	
22	FIN303	Tài chính doanh nghiệp/ <i>Corporate Finance</i>	3	3	0	0	5	ACC301
23	INB718	Lịch sử kinh doanh/ <i>Business history</i>	2	2	0	0	4	
24	ENP754	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế quốc tế / <i>English for International Economics</i>	3	3	0	0	5	
25	INE704	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ <i>Scientific Research Methodology</i>	3	3	0	0	3	
Học phần tự chọn (sinh viên chọn 2 trong 3 học phần)								
26, 27a	INE302	Kinh tế học quốc tế/ <i>International Economics</i>	3	3	0	0	4	
26, 27b	MES301	Lịch sử các học thuyết kinh tế/ <i>History of Economic Thought</i>	3	3	0	0	4	MES303
26, 27c	MES306	Kinh tế học công cộng/ <i>Public Economics</i>	3	3	0	0	4	MES303
Khối kiến thức ngành								
Học phần bắt buộc								
28	INE710	Applied Econometrics (for International Economics)/ <i>Kinh tế lượng ứng dụng (dành cho ngành KTQT)</i>	3	3	0	0	5	ECE301
29	INE716	International Business/ <i>Kinh doanh quốc tế</i>	3	3	0	0	5	MES302
30	INE708	International Finance/ <i>Tài chính quốc tế</i>	3	3	0	0	6	
31	INE730	Intermediate Microeconomics/ <i>Kinh tế vi mô 2</i>	3	3	0	0	6	MES302, MES303
32	INE729	Intermediate Macroeconomics/ <i>Kinh tế vĩ mô 2</i>	3	3	0	0	6	MES302, MES303
33	BAF754	International Payment/ <i>Thanh toán quốc tế</i>	3	3	0	0	7	BAF706
Khối kiến thức chuyên ngành								
Học phần bắt buộc								
34	INE726	Trade Policy in Practice/ <i>Chính sách thương mại quốc tế</i>	3	3	0	0	7	
35	INE721	Investment Economics/ <i>Kinh tế học đầu tư</i>	3	3	0	0	6	
36	INE715	International Business Strategy/ <i>Chiến lược kinh doanh quốc tế</i>	3	3	0	0	8	INE716
37	INE722	Managerial Economics/ <i>Kinh tế học quản lý</i>	3	3	0	0	6	MES302
Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 4 trong 5 học phần)								
38-41a	INE728	Economics of Innovations/ <i>Kinh tế học đổi mới</i>	3	3	0	0	7	MES303
38-41b	INE719	International trade transactions/ <i>Giao dịch thương mại quốc tế</i>	3	3	0	0	7	INE716
38-41c	INE717	International Logistics/ <i>Logistics quốc tế</i>	3	3	0	0	7	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Học kỳ phân bổ	Mã học phần trước
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
38-41d	INE720	Transportation and Cargo Insurance / Vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương	3	3	0	0	7	INE719
38-41e	INE727	Customs procedures/Thủ tục hải quan						
Thực tập và khóa luận								
42	INT715	Internship on International Economics/Học phần thực tập cuối khóa	3	0	0	3	8	Theo Quy chế đào tạo
43	REP715	Dissertation in International Economics/Học phần khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	9	8	Theo Quy chế đào tạo
Tổng số tín của chương trình đào tạo			124					
Tổng số tín chỉ bắt buộc			104					
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			20					

KHOA PHỤ TRÁCH CTĐT
TRƯỞNG KHOA



Hà Văn Dũng